



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 45

Ngày 15 tháng 7 năm 2011

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

22-6-2011	Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII nhiệm kỳ 2011 - 2016.	3
-----------	---	---

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

19-5-2011	Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 4.	6
15-6-2011	Quyết định số 04/2011/QĐ-UBND về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 4.	15
28-6-2011	Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 4.	28

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- | | | |
|-----------|---|----|
| 04-7-2011 | Quyết định số 3328/QĐ-UBND phê duyệt Chương trình phát triển, kiểm soát động vật hoang dã trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015. | 37 |
| 04-7-2011 | Quyết định số 3329/QĐ-UBND phê duyệt Chương trình phát triển cá sấu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015. | 56 |

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2011/NQ-HĐND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 6 năm 2011

NGHỊ QUYẾT KỶ HỌP THỨ NHẤT HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII NHIỆM KỶ 2011 - 2016

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII, KỶ HỌP THỨ NHẤT *(Từ ngày 21 đến ngày 22 tháng 6 năm 2011)*

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ báo cáo của Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII nhiệm kỳ 2011 - 2016 ngày 22 tháng 6 năm 2011;

Ngày 22 tháng 6 năm 2011, Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, nhiệm kỳ 2011 - 2016 đã tiến hành kỳ họp thứ nhất, với các nội dung:

1. Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII báo cáo kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII.

2. Bầu Ban thẩm tra tư cách đại biểu, tiến hành thẩm tra tư cách và thông qua Nghị quyết xác nhận tư cách 95 đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII trúng cử trong ngày bầu cử 22 tháng 5 năm 2011.

3. Ông Lê Thanh Hải, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh đến dự và phát biểu chỉ đạo.

4. Bầu các chức danh:

- Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố;
- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố;
- Ủy viên thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;
- Các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;
- Các Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố;
- Các Trưởng, Phó ban và thành viên các Ban Kinh tế và Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội và Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố;
- Thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố.

5. Bầu Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân thành phố và Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân 24 quận - huyện.

6. Phát biểu của Ông Phạm Văn Hải, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố về tổng hợp ý kiến cử tri trong cuộc tiếp xúc với các ứng cử viên đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII, bầu cử vào ngày 22 tháng 5 năm 2011.

7. Ông Lê Hoàng Quân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2011 và những nhiệm vụ chủ yếu 6 tháng cuối năm 2011.

Kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII,

QUYẾT NGHỊ:

1. Hội đồng nhân dân thành phố nhất trí xác nhận 95 đại biểu đủ tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII được bầu vào ngày 22 tháng 5 năm 2011.

2. Nhất trí thông qua các nghị quyết công nhận kết quả bầu cử các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên thường trực Hội đồng nhân dân thành phố; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố; Trưởng ban, các Phó ban và thành viên 03 Ban của Hội đồng nhân dân thành phố; Thư ký kỳ họp Hội

đồng nhân dân thành phố; Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân thành phố và Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân 24 quận - huyện.

3. Hội đồng nhân dân thành phố tiếp thu ý kiến phát biểu của Ông Lê Thanh Hải, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh và tiếp nhận ý kiến cử tri thành phố do Ông Phạm Văn Hải, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố trình bày.

4. Hội đồng nhân dân thành phố tăng cường giám sát việc chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội thành phố năm 2011 đã được kỳ họp thứ 19 Hội đồng nhân dân thành phố khóa VII đề ra. Trong đó, cần lưu ý các chủ trương, biện pháp nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố và các ngành, các cấp đáp ứng ngày càng tốt hơn nguyện vọng chính đáng của nhân dân thành phố.

Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ nhất chân thành cảm ơn cử tri thành phố, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, các lực lượng vũ trang, các cơ quan thông tin đại chúng và các đơn vị cơ sở đã tham gia tích cực thực hiện thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII, đại biểu Hội đồng nhân dân xã, thị trấn nhiệm kỳ 2011 - 2016.

Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào các giới, cán bộ, chiến sĩ, các ngành, các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, năng động, sáng tạo, cần kiệm, ra sức phấn đấu hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2011, tạo đà phát triển mạnh mẽ, vững chắc hoàn thành kế hoạch 5 năm (2011 - 2015) thiết thực lập thành tích chào mừng kỷ niệm 40 năm ngày Giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước vào năm 2015./.

**TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Quyết Tâm

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 4****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2011/QĐ-UBND

*Quận 4, ngày 19 tháng 5 năm 2011***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 4**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân các cấp;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 73/2009/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện.

Căn cứ Quyết định số 73/2010/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung Quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 4 tại Tờ trình số 142/TTr-TNMT ngày 14 tháng 02 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 4.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 1235/QĐ-UBND-NC ngày 17 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 4 về ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 4.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận, Trưởng Phòng Nội vụ quận, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Đạt

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của

Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 4

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận 4)*

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí:

Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 4 là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 4.

Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 4 (sau đây gọi là Phòng Tài nguyên và Môi trường quận) có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận 4 (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân quận); đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Chức năng:

Phòng Tài nguyên và Môi trường quận tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: đất đai, tài nguyên nước, môi trường, đo đạc, bản đồ.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Tài nguyên và Môi trường quận có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân quận ban hành các văn bản hướng dẫn việc thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quản lý tài nguyên và môi trường; kiểm tra việc thực hiện sau khi Ủy ban nhân dân quận ban hành.

2. Lập quy hoạch sử dụng đất, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quận và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt; thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của phường không thuộc khu vực quy hoạch phát triển đô thị.

3. Thẩm định hồ sơ về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các đối tượng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận.

4. Theo dõi biến động về đất đai; cập nhật, chỉnh lý các tài liệu và bản đồ về đất đai; quản lý hoạt động của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận theo phân cấp của Ủy ban nhân dân quận; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện thống kê, kiểm kê, đăng ký đất đai đối với công chức chuyên môn về tài nguyên và môi trường ở phường, thực hiện việc lập và quản lý hồ sơ địa chính, xây dựng hệ thống thông tin đất đai quận.

5. Tham gia cùng các cơ quan có liên quan trong việc xây dựng bảng giá các loại đất định kỳ hàng năm; tham gia thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật; tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận hoặc phối hợp các cơ quan có liên quan xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức thực hiện công tác định giá đất trên địa bàn quận:

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận tổ chức thực hiện bảng giá các loại đất trên địa bàn quận;

b) Tham gia cùng các cơ quan liên quan trong việc xây dựng bảng giá các loại đất theo hướng dẫn của Ban chỉ đạo xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố; thực hiện việc điều tra, khảo sát giá đất, thống kê các loại đất, xây dựng, cập nhật thông tin giá đất, xây dựng cơ sở dữ liệu về giá đất trên địa bàn quận;

c) Hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn xử lý vướng mắc về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; hướng dẫn xác định người sử dụng đất được bồi thường, hỗ trợ hoặc không được bồi thường, hỗ trợ.

d) Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch quận và các cơ quan chuyên môn có liên quan về thực hiện bảng giá các loại đất trên địa bàn quận.

đ) Báo cáo Ủy ban nhân dân quận, Sở Tài nguyên và Môi trường (Ban chỉ đạo xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố) theo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình xây dựng và thực hiện bảng giá các loại đất trên địa bàn quận.

7. Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật và sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận về bảo vệ tài nguyên đất đai, tài nguyên nước.

8. Tổ chức đăng ký, xác nhận và kiểm tra thực hiện cam kết bảo vệ môi trường và đề án bảo vệ môi trường trên địa bàn; lập báo cáo hiện trạng môi trường theo định kỳ; đề xuất các giải pháp xử lý ô nhiễm môi trường trên địa bàn; thu thập, quản lý lưu trữ dữ liệu về tài nguyên nước và môi trường trên địa bàn; hướng dẫn Ủy ban nhân dân phường quy định về hoạt động và tạo điều kiện để tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường hoạt động có hiệu quả.

9. Điều tra, thống kê, tổng hợp và phân loại giếng phải trám lấp; kiểm tra việc thực hiện trình tự, thủ tục, yêu cầu kỹ thuật trong việc trám lấp giếng.

10. Thực hiện kiểm tra và tham gia thanh tra, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo phân công của Ủy ban nhân dân quận.

11. Giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý nhà nước đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các hội, các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

12. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, thông tin về tài nguyên và môi trường, các dịch vụ công trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

13. Báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ về các lĩnh vực công tác được giao cho Ủy ban nhân dân quận và Sở Tài nguyên và Môi trường.

14. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về tài nguyên và môi trường đối với công chức chuyên môn phường.

15. Quản lý tổ chức bộ máy, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Phòng theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận.

16. Quản lý tài chính, tài sản của Phòng theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận.

17. Tổ chức thực hiện các dịch vụ công trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường tại địa phương theo quy định của pháp luật.

18. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân quận giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường quận có Trưởng phòng và không quá 03 Phó Trưởng phòng.

a) Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về thực hiện các mặt công tác chuyên môn và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Phòng.

b) Phó Trưởng phòng giúp Trưởng phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy quyền điều hành các hoạt động của Phòng.

c) Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường quận có Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố và theo quy định của pháp luật.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận tổ chức thành các tổ chuyên môn gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác của Phòng.

Tùy theo quy mô hoạt động và tính chất công việc và nhân sự cụ thể của địa

phương, Trưởng phòng có thể bố trí cán bộ phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc kiêm nhiệm các lĩnh vực trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm.

Điều 4. Biên chế

Căn cứ vào khối lượng công việc và tình hình cán bộ cụ thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xác định từng chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức và phân bổ biên chế cho Phòng Tài nguyên và Môi trường quận cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế cụ thể của Phòng Tài nguyên và Môi trường do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trong tổng số chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận hàng năm.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành toàn bộ các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng, tổ trưởng và tổ phó họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau, bàn phương hướng thống nhất triển khai lịch công tác.

2. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

3. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có liên quan phải được thông tin kịp thời, chính xác về lịch công tác liên quan đến lĩnh vực mình được phân công.

4. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 7. Môi quan hệ công tác

1. Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan:

Phòng Tài nguyên và Môi trường quận chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành có liên quan, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành có liên quan.

Cử cán bộ phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường tại quận khi có yêu cầu.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Phòng Tài nguyên và Môi trường quận chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng; Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận. Trong trường hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

5. Đối với Ủy ban nhân dân các phường:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn cán bộ, công chức phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng phù hợp với đặc điểm của địa phương nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Ủy ban nhân dân quận quyết định để thi hành.

Điều 9. Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường sau khi được Ủy ban nhân dân quận quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Đạt

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2011/QĐ-UBND

Quận 4, ngày 15 tháng 6 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 4**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 80/2008/QĐ-UB ngày 11 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc kiện toàn Tổ chức của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện (kèm Quy chế mẫu);

Căn cứ Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 818/QĐ-UBND-NC ngày 17 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 4 về việc kiện toàn Tổ chức Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng thuộc Ủy ban nhân dân quận 4;

Xét đề nghị của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 4 tại Tờ trình số 265/TTr-BTGPMB ngày 09 tháng 6 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 4.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 4 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 4.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ quận, Trưởng ban Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Đạt

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường,
giải phóng mặt bằng quận 4**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2011/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận 4)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 4.

Điều 2. Vị trí pháp lý

Tên gọi: Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận 4 (sau đây gọi là Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận).

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận là đơn vị sự nghiệp công lập; được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ.

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận do Ủy ban nhân dân quận thành lập và chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân quận, đồng thời chịu sự hướng dẫn nghiệp vụ của các sở - ngành đối với các hoạt động liên quan.

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 3. Chức năng, nhiệm vụ

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận có chức năng, nhiệm vụ:

1. Lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư báo cáo thẩm định và trình duyệt theo quy định;

2. Giúp Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án thực hiện nhiệm vụ tại điểm a khoản 4 Điều 41 của Quy định kèm theo Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án về tính chính xác, sự phù hợp chính sách của phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

3. Hướng dẫn, giải đáp thắc mắc của người sử dụng đất về những vấn đề liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; kiểm kê thực tế so sánh với tờ khai có sự tham gia của người được bồi thường và chủ sử dụng đất. Xác định tổng mức phải bồi thường cho toàn bộ diện tích đất thu hồi, toàn bộ tài sản hiện có trên đất và các khoản bồi thường, hỗ trợ khác. Xác định mức bồi thường, hỗ trợ cho từng đối tượng, lưu trữ hồ sơ bồi thường, hỗ trợ của dự án theo quy định;

4. Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, báo cáo, đề xuất Hội đồng Bồi thường của dự án hoặc Ủy ban nhân dân quận xem xét giải quyết;

5. Thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và phối hợp với các đơn vị có liên quan để bố trí tái định cư cho người bị thu hồi đất chính xác, đúng đối tượng;

6. Phối hợp các ban, ngành, Ủy ban nhân dân phường và các đơn vị có liên quan trên địa bàn quận để nghiên cứu, đề xuất giải quyết các trường hợp xin cứu xét hoặc khiếu nại về bồi thường, giải phóng mặt bằng. Đồng thời chịu trách nhiệm báo cáo, giải trình theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận đối với các dự án trên địa bàn quận do Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận thực hiện;

7. Phối hợp với các đơn vị có liên quan lập dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có) báo cáo thẩm định và trình duyệt theo quy định;

8. Lập bản vẽ hoặc hợp đồng thuê các đơn vị tư vấn có chức năng đo vẽ hiện trạng nhà đất để làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc thuê đơn vị tư vấn có chức năng thực hiện;

9. Tổng hợp nhu cầu tái định cư của các dự án công ích trên địa bàn quận 4 cho từng giai đoạn và kế hoạch giải quyết tái định cư cho các dự án này;

10. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận thực hiện Quyết định số 118/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2007 về phương thức mua, bán căn hộ

chung cư hoàn chỉnh và chuyển nhượng nền đất ở đã có hạ tầng kỹ thuật để bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố, Quyết định số 47/2008/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 118/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về phương thức mua, bán căn hộ chung cư hoàn chỉnh và chuyển nhượng nền đất ở đã có hạ tầng kỹ thuật để bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố và các quyết định sửa đổi, bổ sung khác của Ủy ban nhân dân thành phố.

11. Thường xuyên cập nhật giá cả liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (nhà ở, đất ở, giá vật liệu xây dựng...);

12. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận rà soát quỹ đất do Nhà nước trực tiếp quản lý, quỹ đất dôi dư sau khi xử lý thu hồi từ các doanh nghiệp, tổ chức; các dự án phát triển nhà thương mại có sử dụng quỹ đất công để xác định quỹ nhà, đất có thể sử dụng bố trí tái định cư;

13. Kiểm tra, đôn đốc tiến độ thi công các dự án tái định cư trên địa bàn, báo cáo các khó khăn, vướng mắc và đề xuất hướng tháo gỡ;

14. Thực hiện chế độ báo cáo sơ kết định kỳ hàng tháng, hàng quý, sáu tháng, tổng kết năm của công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư trên địa bàn và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và các sở - ngành liên quan;

15. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, do Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Cán bộ lãnh đạo:

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận do Trưởng ban phụ trách, có từ 2 đến 3 Phó Trưởng ban giúp việc Trưởng ban.

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận làm việc theo chế độ thủ trưởng.

2. Cơ cấu các Tổ chức năng, nghiệp vụ trực thuộc:

- Tổ Văn phòng - Hành chính quản trị và công tác Tái định cư;
- Tổ Kế toán tài vụ;
- Tổ nghiệp vụ;
- Tổ Tiếp dân, tuyên truyền, vận động và giải quyết khiếu nại tố cáo;

- Tổ kiểm tra hồ sơ bồi thường.

Mỗi Tổ có Tổ trưởng và 01 Tổ phó.

3. Thẩm quyền thành lập, sáp nhập và sắp xếp các Tổ thuộc Ban; thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi giữ các chức danh:

a) Thành lập, sáp nhập và sắp xếp các Tổ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 4.

b) Thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi giữ các chức danh:

- Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận;

- Tổ trưởng, Tổ phó chuyên môn, thuộc thẩm quyền của Trưởng ban.

Chương III **CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH, TIỀN LƯƠNG**

Điều 5. Chế độ chính sách, tiền lương đối với cán bộ, viên chức

Chế độ tiền lương của cán bộ, viên chức Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận áp dụng theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Quá trình công tác tại Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận theo diện hợp đồng của cán bộ, viên chức được tính là thời gian liên tục, để tính mức lương trong việc xét tuyển, bổ nhiệm ngạch.

Điều 6. Chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp kế toán

1. Chế độ phụ cấp chức vụ:

a) Lãnh đạo Ban:

- Trưởng ban hưởng mức phụ cấp chức vụ: 0,40.

- Phó Trưởng ban hưởng phụ cấp chức vụ: 0,30.

b) Cán bộ quản lý Tổ chuyên môn:

- Tổ Trưởng chuyên môn, nghiệp vụ hưởng mức: 0,15.

- Tổ phó chuyên môn, nghiệp vụ hưởng mức: 0,10.

2. Chế độ phụ cấp kế toán:

- Kế toán trưởng được hưởng mức phụ cấp trách nhiệm: 0,25.
- Phụ trách kế toán được hưởng mức phụ cấp trách nhiệm: 0,15.

Chương IV

ĐỊNH MỨC BIÊN CHẾ VÀ CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Điều 7. Định mức biên chế

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc hệ thống các đơn vị sự nghiệp nhà nước, được giao định mức biên chế khung và sử dụng một phần kinh phí ngân sách (nếu nguồn thu không đủ trang trải).

Tùy theo tình hình, đặc điểm công tác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định mức biên chế trong tổng số biên chế sự nghiệp khác của quận được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm.

Ngoài định mức biên chế nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận cho phép Thủ trưởng đơn vị được hợp đồng lao động (theo Bộ Luật Lao động), hợp đồng thuê, khoán công việc đối với những công việc không cần bố trí biên chế thường xuyên để đáp ứng yêu cầu công tác của đơn vị.

Điều 8. Cơ chế tài chính

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận là đơn vị sự nghiệp công lập; áp dụng cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, được quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP.

Điều 9. Nguồn kinh phí

Kinh phí hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận được trích từ hai phần trăm (2%) chi phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án trên địa bàn quận.

Trường hợp đặc biệt kinh phí trích từ 2% chi phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án trên địa bàn quận không đủ chi, thì Ủy ban nhân dân quận căn cứ vào cân đối ngân sách quận 4 để bổ sung kinh phí hoạt động theo quy định.

Chương V
TUYỂN DỤNG, BỔ NHIỆM NGẠCH, QUẢN LÝ
VÀ SỬ DỤNG VIÊN CHỨC

Điều 10. Tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch quản lý và sử dụng viên chức

Viên chức vào làm việc tại Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận được tổ chức xét tuyển, thực hiện chế độ tập sự và bổ nhiệm vào ngạch viên chức hoặc hợp đồng lao động và tổ chức quản lý, sử dụng viên chức theo quy định tại:

- Bộ Luật Lao động;
- Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;
- Nghị định số 121/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP;
- Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
- Thông tư số 10/2004/TT-BNV ngày 19 tháng 02 năm 2004 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP;
- Thông tư số 04/2007/TT-BNV ngày 21 tháng 6 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP và Nghị định số 121/2006/NĐ-CP.

Điều 11. Thẩm quyền xét tuyển và bổ nhiệm ngạch công chức, viên chức

Trưởng ban đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thực hiện việc xét tuyển; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch hoặc đề nghị Sở Nội vụ bổ nhiệm ngạch theo thẩm quyền.

Điều 12. Khen thưởng và xử lý kỷ luật cán bộ, viên chức

Cán bộ, viên chức làm việc tại Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận được khen thưởng và xét danh hiệu thi đua theo quy định hiện hành và xử lý kỷ luật theo quy định tại Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức và Bộ Luật Lao động.

Chương VI

PHÂN CÔNG, CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM CỦA TRƯỞNG BAN, PHÓ TRƯỞNG BAN VÀ CÁC TỔ CHỨC NĂNG

Điều 13. Phân công, chế độ trách nhiệm

1. Trưởng ban:

- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng, đồng thời chịu sự hướng dẫn của các sở - ngành đối với các hoạt động liên quan;

- Điều hành hoạt động của Ban; chỉ đạo cán bộ, viên chức, nhân viên của Ban lập, trình duyệt phương án tổng thể hoặc phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án trên địa bàn quận;

- Tham gia thành viên Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án trên địa bàn quận và thực hiện vai trò tham mưu, giúp việc theo quy định tại chức năng, nhiệm vụ của Quy chế này;

- Giúp Ủy ban nhân dân quận xây dựng và ban hành quy trình giải quyết hồ sơ thủ tục liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư.

2. Các Phó Trưởng ban:

Phó Trưởng ban là người giúp việc cho Trưởng ban, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo lĩnh vực công tác do Trưởng ban phân công và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban, liên đới chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã được giao. Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy quyền thực hiện một số công việc cụ thể theo quy định.

3. Các Tổ chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Tổ Văn phòng - Hành chính quản trị và công tác Tái định cư:

- Tham mưu, giúp việc cho Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban về các lĩnh vực được phân công.

- Thực hiện chế độ báo cáo sơ kết định kỳ hàng tháng, hàng quý, sáu tháng, tổng kết năm của công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư trên địa bàn và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và các sở - ngành liên quan.

- Theo dõi quá trình luân chuyển hồ sơ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các hộ dân, tổng hợp số liệu công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án.

- Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của đơn vị. Tham mưu cho lãnh đạo cơ quan các thủ tục pháp lý khi xây dựng phương án bồi thường của các dự án.

- Phối hợp với tổ nghiệp vụ xây dựng phương án tổng thể, phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án.

- Tổng hợp nhu cầu tái định cư của các dự án công ích trên địa bàn quận cho từng giai đoạn và kế hoạch giải quyết tái định cư cho các dự án.

- Tham gia quản lý tài sản của cơ quan.

- Thực hiện các công tác khác theo sự chỉ đạo của Trưởng ban.

b) Tổ Kế toán tài vụ:

- Tham mưu, giúp việc cho Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban về các lĩnh vực được phân công.

- Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm cho đơn vị.

- Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho dân bị giải tỏa; cân đối nguồn kinh phí bồi thường giải tỏa ở các dự án.

- Quản lý tài chính, tài sản của cơ quan; lập dự toán, quyết toán cho từng dự án.

- Thực hiện báo cáo tài chính cho Trưởng ban, đơn vị cấp trên.

- Thực hiện các công tác khác theo sự chỉ đạo của Trưởng ban.

c) Tổ nghiệp vụ:

- Tham mưu, giúp việc cho Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban về các lĩnh vực được phân công.

- Tiến hành đo, vẽ hiện trạng nhà - đất; kiểm đếm tài sản gắn liền với đất ở từng hộ dân; tiếp nhận hồ sơ nhà đất và các giấy tờ pháp lý liên quan của dân nộp, kiểm tra xác định nội dung kê khai của người bị thu hồi đất.

- Xác định tổng mức phải bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân di chuyển (lập bảng chiết tính), chuyển kiểm toán hồ sơ, nhận bàn giao mặt bằng.

- Thực hiện các công tác khác theo sự chỉ đạo của Trưởng ban.

d) Tổ Tiếp dân, tuyên truyền, vận động và giải quyết khiếu nại, tố cáo:

Tham mưu, giúp việc cho Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban về các lĩnh vực được phân công.

- Tổ chức hiệp thương với người dân bị thu hồi đất phải di chuyển.

- Theo dõi danh sách các trường hợp ký biên bản bồi thường và các trường hợp tái định cư của các hộ dân. Giao quyết định thu hồi đất cho các hộ dân, theo dõi việc bàn giao mặt bằng.

- Tiếp nhận đơn dân nguyện, khiếu nại, tố cáo; tham mưu lãnh đạo giải quyết khiếu nại và tiếp dân, soạn thảo văn bản trả lời cho các hộ khiếu nại.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân phường, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các tổ chức xã hội nơi có dự án thực hiện niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tiếp xúc tuyên truyền, vận động người dân chấp hành chủ trương, chính sách của Nhà nước và hướng dẫn, giải thích những nội dung đề đạt, thắc mắc của người dân về những vấn đề liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Thực hiện các công tác khác theo sự chỉ đạo của Trưởng ban.

đ) Tổ kiểm tra hồ sơ bồi thường:

Tham mưu, giúp việc cho Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban về các lĩnh vực được phân công.

- Kiểm tra hồ sơ pháp lý, tính chính xác của bản vẽ kỹ thuật, bảng chiết tính áp giá bồi thường của các hộ dân và tổ chức; đảm bảo cho các hồ sơ không bị sai sót.

- Qua kiểm tra hồ sơ bồi thường kịp thời báo cáo, đề xuất lãnh đạo giải quyết những trường hợp phức tạp, vướng mắc liên quan đến thực hiện phương án bồi thường của các dự án.

- Thực hiện các công tác khác theo sự chỉ đạo của Trưởng ban.

4. Cán bộ, viên chức, nhân viên:

Cán bộ, viên chức, nhân viên làm việc tại Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận phải có trình độ chuyên môn phù hợp với công việc, là người có phẩm chất, đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan trong thi hành công vụ và chấp hành nghiêm túc sự phân công của lãnh đạo Ban, Tổ.

Chương VII

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 14. Chế độ làm việc và hội họp

1. Chế độ làm việc:

Thực hiện theo quy định chung của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân quận.

Cán bộ, viên chức, nhân viên của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận đều có chức danh, nhiệm vụ cụ thể và đeo thẻ theo quy định.

Cán bộ, viên chức, nhân viên phải có thái độ, phong cách làm việc lịch sự, hòa nhã, tận tình, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân cũng như của đồng nghiệp.

2. Chế độ hội họp:

Định kỳ hàng tuần họp giao ban giữa lãnh đạo Ban với các Tổ trưởng để kiểm điểm công tác trong tuần qua và triển khai công tác tuần tới.

Hàng tháng họp toàn thể cán bộ, viên chức, nhân viên của đơn vị một lần để kiểm điểm tình hình thực hiện công tác trong tháng qua và đề ra công tác cho tháng tiếp theo; đồng thời, phổ biến các chủ trương, chính sách mới ban hành của Nhà nước và nhiệm vụ mới phát sinh ở địa phương và có văn bản báo cáo cho Ủy ban nhân dân quận và sở - ngành liên quan.

Hàng quý, 6 tháng và cuối năm, báo cáo sơ, tổng kết công tác theo quy định.

Ngoài ra, có thể tổ chức họp đột xuất để triển khai các công việc cần thiết và cấp bách theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

Điều 15. Quan hệ công tác

1. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận chịu sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân quận. Trưởng ban trực tiếp nhận chỉ đạo của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân quận việc thực hiện những mặt công tác đã được phân công.

2. Đối với Sở, ngành thành phố:

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận chịu sự hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của các Sở liên quan về công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để quận 4 thực hiện đồng bộ, thống nhất; báo cáo kết quả công tác định kỳ, đột xuất và chuyên đề theo yêu cầu của Sở liên quan.

3. Đối với Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án:

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận là cơ quan Thường trực của Hội đồng, tham mưu cho Hội đồng trong công tác lập phương án tổng thể và phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tổ chức thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư.

4. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ phối hợp và hợp tác bình đẳng trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ chính trị của quận.

Khi phối hợp giải quyết công việc thuộc lĩnh vực phụ trách, nếu chưa nhất trí với ý kiến của các cơ quan khác, Trưởng ban chủ động tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định.

5. Đối với Ủy ban nhân dân phường:

Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận phối hợp Ủy ban nhân dân phường nơi có dự án đầu tư trong việc điều tra, khảo sát hiện trạng, cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết thực hiện tính toán giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi trả tới từng hộ dân để phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn quận theo quy định của Nhà nước.

Khi phối hợp giải quyết công việc nếu chưa nhất trí với ý kiến của Ủy ban nhân dân phường, Trưởng ban tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định.

6. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức xã hội quận:

Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận và phường, đoàn thể có liên quan trong việc tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật, quy định của Nhà nước để thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn quận.

Khi các tổ chức trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận, Trưởng ban có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo quy định.

Chương VIII **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 16. Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận và các cơ quan liên quan thuộc quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, Trưởng Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Đạt

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2011/QĐ-UBND

Quận 4, ngày 28 tháng 6 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 4

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 90/2009/TTLT-BTC-BNV ngày 06 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2009/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 05 tháng 8 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện; Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 4 tại Tờ trình số 194/TTr-TCKH ngày 31 tháng 3 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 4.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2002 của Ủy ban nhân dân quận.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 4, Trưởng Phòng Nội vụ quận 4, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 4, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường, quận 4 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Đạt

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 4

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận 4)*

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí:

Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 4 là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 4, chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân quận; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Phòng Tài chính - Kế hoạch quận có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

2. Chức năng:

Phòng Tài chính - Kế hoạch quận có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tài chính; tài sản; giá; kế hoạch và đầu tư theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Tài chính - Kế hoạch quận có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân quận ban hành các quyết định, chỉ thị, kế hoạch 5 năm và hàng năm về phát triển kinh tế xã hội, lĩnh vực tài chính, kế hoạch và đầu tư;

chương trình, biện pháp thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong lĩnh vực tài chính, kế hoạch và đầu tư trên địa bàn quận 4.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; kiểm tra việc thi hành pháp luật về tài chính, kế hoạch và đầu tư trên địa bàn quận; giúp Ủy ban nhân dân quận giải quyết khiếu nại, tố cáo, các tranh chấp theo quy định của pháp luật.

3. Về lĩnh vực tài chính:

a) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc quận, Ủy ban nhân dân 15 phường xây dựng dự toán ngân sách hàng năm; trình Ủy ban nhân dân quận dự toán ngân sách quận 4 theo hướng dẫn của Sở Tài chính;

b) Lập dự toán thu ngân sách nhà nước đối với những khoản thu được phân cấp quản lý, dự toán chi ngân sách quận và tổng hợp dự toán ngân sách 15 phường, phương án phân bổ ngân sách quận, trình Ủy ban nhân dân quận; lập dự toán ngân sách điều chỉnh trong trường hợp cần thiết để trình Ủy ban nhân dân quận; tổ chức thực hiện dự toán ngân sách đã được quyết định;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý tài chính, ngân sách, giá, tài sản công, thực hiện chế độ kế toán của Ủy ban nhân dân 15 phường và các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp của nhà nước thuộc quận;

d) Phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc quản lý công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

đ) Thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách phường; xét duyệt quyết toán đối với các cơ quan, đơn vị được ngân sách hỗ trợ; lập quyết toán thu, chi ngân sách quận; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quận và quyết toán thu, chi ngân sách quận 4 (bao gồm quyết toán thu, chi ngân sách quận 4 và quyết toán thu, chi ngân sách phường) báo cáo Ủy ban nhân dân quận để trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn.

Tổ chức thẩm tra, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt quyết toán đối với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận. Thẩm tra, phê duyệt quyết toán các dự án đầu tư bằng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng cơ bản thuộc ngân sách quận quản lý;

e) Quản lý tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc quận quản lý theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Thẩm

định, trình Ủy ban nhân dân quận quyết định theo thẩm quyền việc mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy tài sản nhà nước;

g) Quản lý nguồn kinh phí được ủy quyền của cấp trên; quản lý các dịch vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

h) Tham mưu Ủy ban nhân dân quận thực hiện công tác quản lý nhà nước về giá theo quy định của Chính phủ và phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố; phối hợp các cơ quan liên quan kiểm tra việc chấp hành niêm yết giá và bán theo giá niêm yết của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động trên địa bàn. Thực hiện công tác định giá các tài sản liên quan trong tổ tụng hình sự và quy định của Chính phủ;

i) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chế độ công khai tài chính ngân sách của nhà nước theo quy định của pháp luật;

k) Tổng hợp kết quả thực hiện kiến nghị của thanh tra, kiểm toán về lĩnh vực tài chính ngân sách báo cáo Ủy ban nhân dân quận.

4. Về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư:

a) Tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt kế hoạch kinh tế xã hội hàng năm (kể cả danh mục các công trình đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn thuộc các nguồn vốn); trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định phân bổ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng hàng năm đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân quận;

b) Thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định đầu tư, phê duyệt dự án, phê duyệt kế hoạch đấu thầu và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân quận;

c) Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban chuyên môn cung cấp thông tin dự án, xúc tiến đầu tư, giám sát và đánh giá đầu tư, kêu gọi và tổ chức vận động các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào địa bàn quận;

5. Được quyền yêu cầu các cơ quan, đơn vị thuộc quận và Ủy ban nhân dân phường cung cấp số liệu có liên quan đến lĩnh vực quản lý thuộc chức năng, nhiệm vụ của Phòng; thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao của Phòng theo quy định của Ủy ban nhân dân quận và các Sở liên quan.

6. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

7. Quản lý cán bộ, công chức và tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính; kế hoạch và đầu tư theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Tài chính - Kế hoạch quận có Trưởng phòng và không quá 03 Phó Trưởng phòng.

a) Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Phòng;

b) Các Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng;

c) Trong số các lãnh đạo Phòng (Trưởng phòng và các Phó Trưởng phòng) phải có người được phân công chuyên trách quản lý, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với lĩnh vực tài chính; kế hoạch và đầu tư;

d) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và theo quy định của pháp luật;

Việc điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức của Phòng làm công tác quản lý nhà nước về chuyên môn, nghiệp vụ được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể đơn vị, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận tổ chức thành các bộ phận gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác của Phòng.

Điều 4. Biên chế

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định phân bổ số lượng biên chế của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận trong tổng số biên chế của quận được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Chương IV**CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC****Điều 5. Chế độ làm việc**

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng phụ trách chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng chuyên viên đó phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức Phòng một lần.

3. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

4. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phòng Tài chính - Kế hoạch quận chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Phòng Tài chính - Kế hoạch quận chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận. Trong trường hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

5. Đối với Ủy ban nhân dân các phường:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân các phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn cán bộ, công chức Tài chính - Kế toán phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh công chức của Phòng phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Ủy ban nhân dân quận quyết định để thi hành.

Điều 9. Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Đạt

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3328/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 7 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình phát triển, kiểm soát
động vật hoang dã trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;

Căn cứ Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị Quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố năm 2011;

Căn cứ Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 855/TTr-SNN-KHTC ngày 15 tháng 6 năm 2011 về phê duyệt Chương trình phát triển, kiểm soát động vật hoang dã trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Chương trình phát triển, kiểm soát động vật hoang dã trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố để triển khai Chương trình phát triển, kiểm soát động vật hoang dã trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015, đồng thời nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Hội Nông dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Chi Cục trưởng Chi Cục Kiểm lâm và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trung Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH

**Phát triển, kiểm soát động vật hoang dã
trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3328/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

1. Tình hình gây nuôi và tiêu thụ động vật hoang dã

1.1. Tình hình gây nuôi

Trong những năm vừa qua, việc gây nuôi động vật hoang dã trên địa bàn thành phố đã thực hiện đúng theo các quy định, quản lý của nhà nước. Phong trào nuôi động vật hoang dã từ năm 2006 đến nay liên tục tăng cả về số hộ, số lượng con và số loài.

Việc gây nuôi động vật hoang dã vừa đảm bảo mục đích phát triển kinh tế cho người nuôi, vừa đảm bảo mục đích bảo tồn động vật hoang dã. Ngoài ra việc gây nuôi động vật hoang dã còn góp phần phát triển kinh tế - du lịch và nghiên cứu giáo dục. Động vật hoang dã gây nuôi trên địa bàn thành phố đều có nguồn gốc rõ ràng có đủ giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp theo quy định tại Quyết định số 59/2005/QĐ-BNN ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy định về kiểm tra, kiểm soát lâm sản.

Hầu hết các trại nuôi đảm bảo an toàn về chuồng trại, đảm bảo các điều kiện về môi trường, vệ sinh thú y, có hệ thống nước thải.

Hiện nay chủng loài động vật hoang dã nuôi thuần dưỡng ở thành phố khá phong phú, gồm chồn hương, rắn các loại, trăn, nhím, khỉ đuôi dài, cá sấu, rùa các loại, gấu, heo rừng lai... So với năm 2005, số lượng một số loài động vật hoang dã được gây nuôi trên địa bàn thành phố năm 2010 đã tăng nhanh, như: chồn hương tăng nhanh từ 5 con lên 410 con, rắn các loại tăng từ 3.000 con lên 28.562 con, trăn các loại tăng từ 1.000 con lên 14.021 con, nhím tăng từ 1.000 con lên 4.311 con, cá sấu

tăng từ 50.000 con lên 186.050 con, rùa các loại tăng từ 3.000 con lên 10.457 con. Riêng loài gấu giảm đi chỉ còn 324 con và loài heo rừng giảm chỉ còn 563 con.

Tổng số hộ và tổ chức gây nuôi động vật hoang dã đến năm 2010 là 358 hộ và tổ chức, tăng 76,35% so với năm 2005. Trong đó, tăng nhiều nhất là số hộ và tổ chức gây nuôi nhím, rùa, kỳ đà, cá sấu... Số hộ và tổ chức gây nuôi gấu đã giảm còn 79 hộ.

1.2. Tình hình tiêu thụ các sản phẩm từ gây nuôi động vật hoang dã

1.2.1. Tiêu thụ nội địa

Nhu cầu tiêu thụ động vật hoang dã và các sản phẩm chế biến từ động vật hoang dã, đặc biệt là nhu cầu về con giống gây nuôi ở thị trường trong nước tương đối ổn định.

Các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã trên địa bàn thành phố đã có kinh nghiệm trong đầu tư nhân giống. Vì vậy, ngoài việc cung cấp thực phẩm, sản phẩm chế biến từ động vật hoang dã, còn cung cấp giống cho thành phố và các tỉnh trong cả nước, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Các giống cung cấp phổ biến cho các tỉnh là cá sấu, trăn, rắn, kỳ đà, rùa, nhím... Hàng năm, thành phố cung cấp cho các tỉnh, thành trong nước khoảng 100.000 con giống các loại.

1.2.2. Xuất khẩu

Một số loài động vật hoang dã gây nuôi trên địa bàn thành phố đã bước đầu có thị trường tiêu thụ, được cơ quan quản lý Cites cấp phép như cá sấu, trăn, bò sát lưỡng cư... Trong đó, cá sấu xuất khẩu da và thịt, trăn xuất khẩu da, các loài bò sát lưỡng cư chủ yếu xuất khẩu với mục đích nghiên cứu khoa học.

Giá trị xuất khẩu sản phẩm cá sấu và trăn cao nhất là năm 2008, đạt khoảng 16 triệu USD. Giá trị xuất khẩu năm 2009, 2010 có giảm do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới. Giá trị xuất khẩu các loài bò sát lưỡng cư tương đối ổn định qua các năm, đạt khoảng 450.000USD/năm.

2. Tình hình mua bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã

Ủy ban nhân dân thành phố đã chỉ đạo Chi Cục Kiểm lâm phối hợp với các cơ quan chức năng như công an, quân đội, quản lý thị trường và các quận, huyện nội thành, tích cực kiểm tra, đấu tranh với các hành vi vi phạm, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vụ buôn bán trái phép. Trong giai đoạn 2006 - 2010 tại thành phố, Chi Cục Kiểm lâm đã phát hiện và xử lý 546 vụ vi phạm hành chính về động vật hoang dã, trong đó:

- 235 vụ mua bán động vật hoang dã trái phép chiếm 43,04%, trong đó có 41 vụ là tái phạm một đến nhiều lần.

- 230 vụ vận chuyển trái phép động vật hoang dã chiếm 42,12%.

- 13 vụ nuôi nhốt động vật hoang dã trái phép chiếm 2,38%, trong đó có 02 vụ là tái phạm.

- 49 vụ quảng cáo kinh doanh các món ăn chế biến từ động vật hoang dã có nguồn gốc từ tự nhiên chiếm 8,97%.

- 07 vụ mua, bán, vận chuyển động vật hoang dã thiếu thủ tục, chiếm 1,46%.

Huyện Củ Chi là nơi xảy ra vi phạm nhiều nhất chiếm 18,86%, gồm các hành vi vi phạm như mua, bán, cất giữ trái phép, vận chuyển trái phép; huyện Cần Giờ chiếm 14,28% với các hành vi đào bắt, vận chuyển trái phép Địa Sâm; quận 12 chiếm 12,08% với điểm nóng là khu Trung Mỹ Tây; quận 1 chiếm 6,95% với điểm nóng là khu vực đường Nguyễn Thị Minh Khai, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phạm Viết Chánh...

Các ngành chức năng thường xuyên tuyên truyền giáo dục và phát hiện bắt giữ, tuy nhiên vẫn còn nhà hàng, quán ăn có bán các món ăn chế biến từ động vật hoang dã trái phép (tê tê, kỳ đà, rắn, rùa, cua đinh, chim...) do lợi nhuận cao và sở thích tiêu dùng của một số bộ phận dân cư. Hiện tượng mua bán động vật hoang dã vẫn còn xảy ra ở một số nơi trên địa bàn với mức độ ngày càng tinh vi hơn như khu vực phường Linh Trung quận Thủ Đức, khu vực phường 13 quận Bình Thạnh, khu vực phường Trung Mỹ Tây quận 12, khu vực cầu Móng quận 1, khu vực Xuân Thới Sơn Hóc Môn, khu vực An Lạc quận Bình Tân, khu vực gần cầu Cây Điệp (tỉnh lộ 9) Bình Mỹ Củ Chi, dọc Tỉnh lộ 10 (nối giữa quận Bình Tân và huyện Bình Chánh), trên đường Bình Long (quận Bình Tân), đường Lê Văn Khương (khu vực giáp ranh giữa quận 12 và huyện Củ Chi), đường Lê Hồng Phong (quận 10)...

3. Công tác cứu hộ và tái thả động vật hoang dã về rừng

Từ khi đi vào hoạt động đến nay, dù quy mô Trạm cứu hộ động vật hoang dã Củ Chi nhỏ, diện tích khoảng 4.000 m² nhưng đã góp phần vào công tác tuyên truyền giáo dục, cứu hộ động vật hoang dã, Trạm đã trở thành một trung tâm cứu hộ động vật hoang dã của cả khu vực phía Nam:

- Đã cứu hộ được 20 loài thú, 14 loài chim, 27 loài bò sát với tổng số 1.881 con các loại, gồm 24 loài quý hiếm, 37 loài thông thường, trong đó có những loài cực kỳ quý hiếm như: đồi mồi, rùa da, vượn đen má trắng, báo hoa mai, gấu, rắn hổ chúa, cu ly, rái cá... Trong đó, Trạm đã nhận cứu hộ 33 loài, 166 con (147 con quý hiếm) cho

các tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Long An, Tiền Giang, Tây Ninh, Lâm Đồng, Vĩnh Long, Bình Định, Hậu Giang, Bến Tre, Vườn quốc gia Cát Tiên, Khánh Hòa.

- Đã tiến hành tái thả 1.133 cá thể các loại (trong đó 20 loài quý hiếm và 21 loài thông thường) sau cứu hộ khỏe mạnh về môi trường tự nhiên tại Vườn quốc gia Cát Tiên, Vườn quốc gia Cúc Phương, Vườn quốc gia U Minh Hạ, Vườn quốc gia Lò Gò Xa Mát, Vườn quốc gia U Minh Thượng, Vườn quốc gia Núi Chúa, Khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ, Khu dự trữ sinh quyển Cà Mau...

- Đã đón tiếp 634 đoàn khách nước ngoài với 4.507 lượt người, 100 đoàn khách trong nước với 1.817 lượt người đến thăm quan, tìm hiểu và học tập tại trạm.

- Đã tổ chức nói chuyện chuyên đề về bảo vệ và bảo tồn động vật hoang dã, đa dạng sinh học cho 52 lượt, mỗi lượt 50 cháu học sinh các trường trung học Quốc tế tại TP. Hồ Chí Minh.

- Đã tạo điều kiện cho sinh viên đại học và sau đại học (trong đó có 3 sinh viên nước ngoài) vào học tập, nghiên cứu thực tế.

- Phối hợp với tổ chức phi chính phủ tổ chức các sự kiện tìm hiểu và bảo vệ, phát triển động vật hoang dã.

4. Công tác quản lý nhà nước

Chi Cục Kiểm lâm đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng thực hiện tốt các quy định của nhà nước về quản lý động vật hoang dã. Tuyên truyền giáo dục hơn 1.000 người, cho làm cam kết không mua, bán, cất giữ, vận chuyển động vật hoang dã; phát hơn 10.000 tờ bướm về quản lý bảo động vật hoang dã; mở các lớp tập huấn quản lý bảo vệ phát triển động vật hoang dã cho cán bộ ủy ban dân các quận huyện và các chủ trại nuôi...) nên đã hạn chế việc săn bắt mua, bán động vật hoang dã trái phép.

Thường xuyên kiểm tra hướng dẫn cho 310 tổ chức, cơ sở gây nuôi động vật hoang dã có nguồn gốc hợp pháp, hoạt động có hiệu quả cao, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, có sản phẩm để phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu, góp phần bảo tồn và phát triển động vật hoang dã.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng thực hiện công tác đấu tranh, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý bảo vệ động vật rừng.

5. Đánh giá

5.1. Mặt làm được

- Việc gây nuôi động vật hoang dã ở thành phố đã đem lại lợi ích cho các hộ nuôi, góp phần quan trọng trong việc thực hiện chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Đã hướng dẫn người dân gây nuôi thực hiện và theo đúng quy định pháp luật, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để người dân gây nuôi, phát triển động vật hoang dã theo đúng quy định pháp luật, bước đầu tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập. Đa số người gây nuôi, kinh doanh động vật hoang dã đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật.

- Có sự phối hợp chặt chẽ của các Sở, ban, ngành, chính quyền địa phương trong công tác đấu tranh các hành vi vi phạm về lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng, quản lý động vật hoang dã, nhất là các lực lượng công an và quản lý thị trường; xóa bỏ được một số địa điểm mua bán, kinh doanh động vật hoang dã trái phép.

- Mặc dù quy mô của Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã thành phố còn nhỏ nhưng bước đầu có những hoạt động tuyên truyền, giáo dục và cứu hộ có hiệu quả.

5.2. Mặt hạn chế khó khăn

- Kỹ thuật nhân giống động vật hoang dã khó khăn do có sự khác biệt giữa điều kiện gây nuôi và điều kiện tự nhiên, một số loài có nguy cơ cận huyết, thoái hóa giống.

- Chưa có thị trường ổn định cho người gây nuôi nhất là cá sấu và trăn do phụ thuộc nhiều vào thị trường xuất khẩu. Ngoài ra, thị trường tiêu thụ động vật hoang dã và sản phẩm động vật hoang dã có đặc thù riêng phụ thuộc vào thị hiếu người tiêu dùng, do vậy đôi khi do phát triển nhanh, số lượng nhiều dẫn đến sản phẩm không được tiêu thụ hết.

- Do lợi nhuận cao của việc buôn bán động vật hoang dã nên các đối tượng vẫn thực hiện hành vi buôn bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã.

- Trạm cứu hộ động vật hoang dã còn thiếu nhiều trang thiết bị như xe chuyên chở động vật hoang dã, lò thiêu xác động vật hoang dã bị chết, một số dụng cụ và thuốc chuyên dùng, chổ làm việc cho cán bộ, nhân viên Trạm, tài liệu khoa học kỹ thuật; diện tích hiện tại của Trạm nhỏ, hẹp.

- Chưa có hướng dẫn cụ thể thực hiện Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế về quản lý gấu nuôi. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa

ban hành các tiêu chuẩn ngành về các quy phạm kỹ thuật nuôi từng loài động vật hoang dã.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN, KIỂM SOÁT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với việc gây nuôi và kinh doanh động vật hoang dã, đảm bảo các cơ sở gây nuôi đáp ứng đủ các điều kiện an toàn cho con người và môi trường; hạn chế thấp nhất các vụ vi phạm trong quản lý, bảo vệ và phát triển động vật hoang dã trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- 100% các doanh nghiệp, tổ chức, các cơ sở gây nuôi, vận chuyển, kinh doanh chế biến và xuất khẩu các sản phẩm từ động vật hoang dã trên địa bàn thành phố nắm rõ các quy định của nhà nước về quy định quản lý và gây nuôi động vật hoang dã.

- Tất cả các cơ sở gây nuôi, kinh doanh động vật hoang dã trên địa bàn thành phố đảm bảo các điều kiện về an toàn chuồng trại, môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

- Phát hiện, xử lý nghiêm và xóa bỏ hoàn toàn các địa điểm, các trường hợp kinh doanh động vật hoang dã trái phép.

2. Nhiệm vụ

- Đánh giá tình hình mua, bán vận chuyển động vật hoang dã (hợp pháp và không hợp pháp) ở thành phố; thực hiện các giải pháp quản lý tốt nhất để bảo vệ và phát triển động vật hoang dã.

- Đánh giá thực trạng nghề nuôi, chế biến, kinh doanh động vật hoang dã trên địa bàn thành phố về các mặt nguồn giống, vốn, thị trường, nguồn nhân lực, khoa học công nghệ, thông tin, tiếp thị... Đề xuất các giải pháp để kiểm soát và quản lý gây nuôi động vật rừng có hiệu quả trên địa bàn thành phố.

- Tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý của các đơn vị chức năng để ngăn chặn việc mua bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã, quản lý tốt các trại nuôi động vật hoang dã, góp phần thiết thực vào thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia.

- Nghiên cứu xây dựng và hướng dẫn thực hiện các quy trình, kỹ thuật chuồng trại và gây nuôi kiểm soát dịch bệnh các loài động vật hoang dã.

3. Các giải pháp chủ yếu

3.1. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật, với mục đích chủ yếu:

- Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý và bảo vệ động vật hoang dã cho cán bộ, công chức ở các cơ quan chức năng.

- Nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân kinh doanh, sản xuất, chế biến, người tiêu dùng về vai trò và tác dụng to lớn của đa dạng sinh học từ động vật hoang dã đối với đời sống con người cũng như các tác hại của việc lạm dụng và tàn sát động vật hoang dã; đảm bảo động vật hoang dã tiêu thụ, vận chuyển đều có nguồn gốc do gây nuôi hợp pháp.

3.2. Xây dựng các mô hình điểm nuôi, sinh sản phát triển các loài động vật hoang dã cho các trại nuôi, các hộ gia đình trên địa bàn thành phố, cụ thể:

- Quản lý hoạt động gây nuôi gấu.

- Xây dựng mô hình điểm trình diễn gây nuôi bền vững loài trăn theo quy chuẩn, quy phạm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số 4110/QĐ-BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2006.

- Xây dựng mô hình điểm trình diễn gây nuôi bền vững một số loài bò sát lưỡng cư. Từ đó, xây dựng quy chuẩn, quy phạm đề xuất Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

- Đề xuất mô hình gây nuôi an toàn, đảm bảo môi trường, bảo tồn động vật hoang dã quý hiếm, tái thả động vật hoang dã quý hiếm (vượn, mèo rừng...) về môi trường tự nhiên.

3.3. Nâng cao năng lực kiểm tra, kiểm soát, cứu hộ động vật hoang dã, thường xuyên tổ chức đào tạo tập huấn và bổ sung thiết bị, phương tiện cho lực lượng Kiểm lâm và các cơ quan chức năng nhằm nâng cao năng lực kiểm tra, kiểm soát, cứu hộ động vật hoang dã, bao gồm:

- Nâng cao kiến thức về pháp luật và kỹ năng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ Kiểm lâm và các cơ quan chức năng liên quan.

- Tổ chức tăng cường kiểm tra, kiểm soát, từng bước xóa bỏ các điểm nóng xảy ra vi phạm nhiều trong thời gian qua. Lập được danh mục, địa chỉ cụ thể về gây nuôi động vật hoang dã phát triển, các nơi có buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp.

- Tổ chức tăng cường kiểm tra định kỳ và đột xuất các trại gây nuôi động vật hoang dã theo quy định của Nhà nước.

- Đầu tư thiết bị, phương tiện và nhân lực để cứu hộ và kiểm soát dịch bệnh động vật hoang dã.

3.4. Tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật; nghiên cứu kiến nghị sửa đổi, bổ sung.

Đẩy mạnh cộng tác rà soát nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến bảo vệ và phát triển động vật hoang dã, bảo tồn đa dạng sinh học, đề kiến nghị bổ sung, sửa đổi và xây dựng mới các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên động thực vật hoang dã, nhằm hoàn thiện khung pháp lý để tăng cường tính đồng bộ và hiệu quả của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong bảo vệ và phát triển động vật hoang dã, bảo tồn đa dạng sinh học.

III. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN CHỦ YẾU:

1. Chương trình đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ Kiểm lâm và cán bộ thuộc các cơ quan chức năng liên quan, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về quản lý động vật hoang dã

Mục tiêu:

- Nâng cao trình độ của cán bộ Kiểm lâm và cán bộ thuộc các cơ quan chức năng liên quan trong việc thực hiện chương trình kiểm soát động vật hoang dã.

- Nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân kinh doanh, sản xuất, chế biến và người tiêu dùng về quy định quản lý của Nhà nước về động vật hoang dã; vai trò, tác dụng to lớn của động vật hoang dã nói riêng và đa dạng sinh học nói chung đối với đời sống con người cũng như các tác hại của việc lạm dụng, tàn sát động vật hoang dã, hướng tới việc bảo vệ và phát triển động vật hoang dã một cách hợp lý, ổn định trong xã hội.

Nội dung:

- Xây dựng tài liệu đào tạo tập huấn, tuyên truyền về các quy định quản lý nhà nước về động vật hoang dã, vai trò của động vật hoang dã trong bảo tồn đa dạng sinh học, đời sống xã hội, quy trình gây nuôi động vật hoang dã.

- Xây dựng các chương trình đào tạo tập huấn và tuyên truyền về quản lý động vật hoang dã.

Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Cơ quan thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm phối hợp Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các sở, ngành liên quan.

2. Chương trình rà soát, đề nghị sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới các văn bản quy phạm pháp luật

Mục tiêu: Hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên động vật hoang dã; đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản để phù hợp với công tác quản lý động vật hoang dã trên địa bàn thành phố.

Nội dung:

- Hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và thành phố về quản lý động vật hoang dã.

- Xây dựng đề xuất các quy chuẩn về chuồng trại, con giống, đặc tính sinh sản, vệ sinh môi trường... của các loài gầy nuôi; đề xuất ban hành danh mục những loài động vật hoang dã được phép gầy nuôi để tránh việc bị khai thác tận diệt, tránh nguy cơ tuyệt chủng; soạn thảo các cẩm nang về quản lý, bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên động vật hoang dã như Cẩm nang về gầy nuôi nhím, gầy nuôi heo rừng, gầy nuôi cá sấu, trăn, chồn hương...

Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Cơ quan thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm phối hợp Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các sở, ngành liên quan.

3. Dự án xây dựng mô hình trình diễn gầy nuôi bền vững loài trăn; các loài bò sát - lưỡng cư

Mục tiêu: Xây dựng mô hình trình diễn các trại gầy nuôi bền vững loài trăn; các loài bò sát - lưỡng cư với ưu điểm là khả năng thích nghi môi trường nuôi nhốt rất tốt, kháng bệnh cao, sinh sản nhiều, có đủ giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp, thị trường ổn định và có giá trị thương phẩm cao.

Nội dung:

- Xây dựng quy trình gầy nuôi, sinh sản, phòng, chống dịch bệnh cho việc gầy nuôi loài trăn và các loài bò sát - lưỡng cư.

- Xây dựng quy định đảm bảo điều kiện an toàn cho con người, môi trường trong việc gầy nuôi loài trăn và các loài bò sát - lưỡng cư.

- Xây dựng hệ thống tiêu thụ sản phẩm do gầy nuôi loài trăn và các loài bò sát - lưỡng cư.

Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Cơ quan thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm phối hợp Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các sở, ngành liên quan, một số trang trại điếm.

4. Chương trình tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thực hiện quy định gây nuôi và kinh doanh động vật hoang dã trên địa bàn thành phố

Mục tiêu: Hạn chế tối đa các vi phạm về mua, bán trái phép động vật hoang dã, quản lý chặt chẽ hoạt động nuôi gấu và động vật hoang dã.

Nội dung: Triển khai thực hiện các đợt trọng tâm kiểm tra, kiểm soát mua bán, vận chuyển trái phép động vật hoang dã trên địa bàn huyện Củ Chi, quận 12, quận 1, quận Tân Phú và huyện Bình Chánh...; các trại nuôi của các doanh nghiệp, cơ sở hộ gia đình (kết hợp công nghệ quản lý GIS); kiểm đếm số con, số loài, đối chiếu hồ sơ sổ sách, đánh giá tỷ lệ sinh sản, tỷ lệ ấp nở, đánh giá mức độ an toàn của chuồng trại đối với con người và môi trường; tập huấn các kiến thức, kỹ năng chuyên môn, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan cho từng đơn vị; kiểm tra định kỳ theo kế hoạch từng năm về các trại nuôi; tiến hành kiểm tra chip điện tử, dịch bệnh.

Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Cơ quan thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm phối hợp Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các sở, ngành liên quan.

5. Chương trình Nâng cao năng lực của trạm cứu hộ động vật hoang dã, tổ chức kiểm soát dịch bệnh

Mục tiêu: Nâng cao năng lực cứu hộ động vật hoang dã, nâng cao tỷ lệ tái thả động vật hoang dã về tự nhiên.

Nội dung:

- Tăng chất lượng cứu hộ động vật hoang dã, giảm tỷ lệ chết, nâng cao tỷ lệ tái thả động vật về môi trường tự nhiên.

- Nghiên cứu, áp dụng các biện pháp phòng bệnh, chữa bệnh cho động vật hoang dã tại Trung tâm cứu hộ.

- Bổ sung các trang thiết bị cần thiết trong việc cứu hộ động vật hoang dã.

- Nâng cao năng lực của cán bộ, công chức trong việc chữa trị, cứu hộ động vật hoang dã.

- Xây dựng quy trình tiếp nhận, phân loại, cứu chữa và tái thả về rừng động vật hoang dã sau khi cứu hộ.

Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Cơ quan thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm phối hợp Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các sở, ngành liên quan.

6. Dự trù kinh phí thực hiện giai đoạn 2011 - 2015: dự tính 2.918,1 triệu đồng; nguồn sự nghiệp chi thường xuyên được giao theo dự toán hàng năm của Chi Cục Kiểm lâm. (Chi tiết cụ thể theo biểu đính kèm)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Thời gian thực hiện từ năm 2011 đến năm 2015.

2. Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình phát triển cá sấu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực nghiên cứu, đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố sau khi Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Chương trình phát triển cá sấu trên địa bàn thành phố có hiệu lực.

3. Một số nhiệm vụ cụ thể:

3.1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

3.1.1. Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, quận, huyện tổ chức triển khai thực hiện Chương trình này, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện hàng năm.

3.1.2. Chỉ đạo Chi Cục Kiểm lâm:

- Tổ chức quản lý gây nuôi, phát triển động vật hoang dã theo đúng các quy định tại Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004; Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về quản lý động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng, cấy nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm.

- Cung cấp tài liệu, hướng dẫn kỹ thuật cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu về kỹ thuật nhân giống, gây nuôi phát triển các loài động vật hoang dã trong môi trường có kiểm soát.

- Hướng dẫn việc kinh doanh, vận chuyển, nuôi nhốt, chế biến động vật hoang dã và sản phẩm từ động vật hoang dã có nguồn gốc gây nuôi phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ chứng minh nguồn gốc hợp pháp theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

- Rà soát, lập danh sách những đối tượng đã nhiều lần vi phạm các quy định về bảo vệ và phát triển động vật hoang dã để phối hợp với các ngành, chính quyền các địa phương có biện pháp quản lý và đấu tranh ngăn chặn thường xuyên.

- Tổ chức cứu hộ các cá thể động vật hoang dã đã bị xử lý tịch thu, đảm bảo động vật hoang dã khoẻ mạnh trước khi thả về môi trường tự nhiên. Động vật hoang dã đã bị xử lý tịch thu nhưng không thể thả về môi trường tự nhiên thì phải xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Rà soát, đề nghị sửa đổi, bổ sung và đề xuất xây dựng các văn bản pháp quy quản lý động vật hoang dã phù hợp với điều kiện thành phố.

3.2. Giao Sở Công Thương chỉ đạo các đơn vị trực thuộc:

- Tăng cường phối hợp Chi Cục Kiểm lâm tổ chức kiểm tra, kiểm soát các quán ăn, nhà hàng, các chợ, các địa điểm kinh doanh, các trục đường giao thông, sân bay, bến cảng, các khu dân cư để phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định về mua, bán, vận chuyển, gây nuôi, chế biến trái phép động vật hoang dã.

- Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ động vật hoang dã và sản phẩm động vật hoang dã theo quy định.

3.3. Giao Công an thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc tăng cường phối hợp Chi Cục Kiểm lâm tổ chức kiểm tra, kiểm soát các quán ăn, nhà hàng, các chợ, các địa điểm kinh doanh, các trục đường giao thông, sân bay, bến cảng, các khu dân cư để phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định về mua, bán, vận chuyển, gây nuôi, chế biến trái phép động vật hoang dã.

3.4. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính hướng dẫn Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành lập dự toán kinh phí thực hiện các dự án liên quan đến chương trình phát triển, kiểm soát động vật hoang dã; thẩm định, tổng hợp và bố trí kinh phí thực hiện các chương trình, dự án đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

3.5. Giao Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, thẩm định các quy chuẩn về chuồng trại, kỹ thuật nuôi các loài động vật hoang dã.

3.6. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan báo, đài của thành phố có các chuyên trang, chuyên mục, các tiểu phẩm văn nghệ... với nhiều hình thức

phong phú, đa dạng, phù hợp để tuyên truyền sâu rộng đến nhân dân thành phố về chủ trương phát triển, kiểm soát động vật hoang dã trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015.

3.7. Giao Hội Nông dân phối hợp tuyên truyền cho nông dân về kỹ thuật gây nuôi kinh doanh động vật hoang dã có nguồn gốc hợp pháp.

3.8. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Thực hiện công tác quản lý nhà nước theo sự phân công, phân cấp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không để xảy ra tình trạng mua bán trái phép động vật hoang dã diễn ra trên địa bàn quận, huyện quản lý;

- Phối hợp với Sở, ngành chuyên môn của thành phố thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với trại nuôi động vật hoang dã đúng quy định pháp luật.

3.9. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân gây nuôi động vật hoang dã trên địa bàn thành phố phải tuân thủ các quy định của nhà nước về gây nuôi, kinh doanh hợp pháp; tham gia thực hiện các chương trình, dự án do thành phố ban hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trung Tín

**BIỂU 1: CHƯƠNG TRÌNH VÀ NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN
PHÁT TRIỂN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

*(Kèm theo Quyết định số 3328/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

NỘI DUNG	2011	2012	2013	2014	2015	GHI CHÚ
1. Mục tiêu						
<ul style="list-style-type: none"> - Hạn chế đến mức thấp nhất các vụ vi phạm về quản lý, bảo vệ và phát triển động vật hoang dã. - Nâng cao công tác quản lý nhà nước và giám sát có hiệu quả theo quy định của pháp luật các cơ sở gây nuôi, vận chuyển, kinh doanh chế biến và xuất khẩu các sản phẩm từ động vật hoang dã. - Phát triển nghề nuôi động vật hoang dã có hiệu quả nhằm cải thiện đời sống nông dân nông thôn, đa dạng hóa thực phẩm tiêu dùng - Kiểm soát về thú y, tăng khả năng phòng chống dịch. 						
2. Tổng kinh phí dự trù của chương trình		Tổng: 1.927.900.000 đồng - Nguồn ngân sách	Tổng: 390.400.000 đồng - Nguồn Ngân sách	Tổng: 341.400.000 đồng - Nguồn Ngân sách	Tổng: 258.400.000 đồng - Nguồn Ngân sách	Tổng kinh phí: 2,9181 tỷ đồng - Nguồn Ngân sách
3. Các giải pháp						
1. Tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, kiến nghị sửa đổi, bổ sung						

a/ Rà soát VBQPPL, kiến nghị sửa đổi, bổ sung		Kinh phí 50 triệu đồng. Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp:	Kinh phí 50 triệu đồng. Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp:			Tổng kinh phí: 100.000.000 đồng
2. Hoạt động tăng cường công tác thông tin tuyên truyền phổ biến pháp luật						
a/ Nâng cao trình độ nghiệp vụ, chuyên môn của cán bộ Kiểm lâm và các cơ quan chức năng liên quan.		Kinh phí 94 triệu đồng. Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: UBND H. Củ Chi.	Kinh phí 88 triệu đồng. Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: UBND H. Bình Chánh. UBND quận 12.	Kinh phí 94 triệu đồng. Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: UBND H. Hóc Môn.	Kinh phí 44 triệu đồng. Nguồn: ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: UBND quận Thủ Đức.	Tổng kinh phí: 320.000.000 đồng
b/ Nâng cao nhận thức cộng đồng		Kinh phí 168 triệu đồng. Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: UBND H. Hóc Môn, UBND quận Thủ Đức	Kinh phí 84 triệu đồng. Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: UBND quận 12	Kinh phí 84 triệu đồng. Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: UBND H. Bình Chánh	Kinh phí 84 triệu đồng. Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: UBND H. Củ Chi	Tổng kinh phí: 420.000.000 đồng

3. Hoạt động tăng cường năng lực kiểm tra, kiểm soát và cứu hộ động vật hoang dã						
a/ Nâng cao nghiệp vụ chuyên môn kiểm soát buôn bán và kiểm soát trại nuôi ĐVHD.		Kinh phí 142 triệu đồng. Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: PC 49; UBND H. Hóc Môn; UBND quận Thủ Đức	Kinh phí 71 triệu đồng. Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: PC 49; UBND quận 12	Kinh phí 71 triệu đồng. Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: PC 49; UBND H. Bình Chánh	Kinh phí 71 triệu đồng. Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: PC 49; UBND H. Củ Chi	Tổng kinh phí: 355.000.000 đồng
b/ Hoạt động nâng cao năng lực cứu hộ.		Kinh phí 1,265 tỷ đồng. Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã.	Kinh phí 50 triệu đồng. Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã.	Kinh phí 25 triệu đồng. Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã.	Kinh phí 10 triệu đồng. Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã.	Tổng kinh phí: 1.350.000.000 đồng
4. Hoạt động xây dựng các mô hình trại nuôi thí điểm để hướng dẫn, chuyển giao quy trình phát triển động vật hoang dã						

a/ Mô hình nuôi trăn.		Kinh phí 114.000.000 đồng. Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: UBND H. Củ Chi, UBND quận 12.	Kinh phí 22.000.000 đồng. Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: UBND H. Bình Chánh.	Kinh phí 37.000.000 đồng. Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: UBND H. Hóc Môn	Kinh phí 33.000.000 đồng. Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: UBND quận Thủ Đức.	Tổng kinh phí: 206.000.000 đồng
b/ Mô hình nuôi bò sát.		Kinh phí 94.900.000 đồng Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: UBND quận Thủ Đức, UBND quận 9.	Kinh phí 25.400.000 đồng. Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: UBND quận 9.	Kinh phí 30.400.000 đồng. Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: UBND quận Thủ Đức.	Kinh phí 16.400.000 đồng. Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: UBND quận 9.	Tổng kinh phí: 167.100.000 đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3329/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 7 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình phát triển cá sấu
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;

Căn cứ Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố năm 2011;

Căn cứ Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 863/TTr-SNN-KHTC ngày 16 tháng 6 năm 2011 về phê duyệt chương trình phát triển cá sấu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Chương trình phát triển cá sấu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các Sở - ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố để triển khai Chương trình phát triển cá sấu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015 theo Quyết định phê duyệt, đồng thời nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư, Chủ tịch Hội Nông dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận 9, 12, Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Nhà Bè, Cần Giờ, Chi Cục trưởng Chi Cục Kiểm lâm, Chi Cục trưởng Chi Cục Lâm nghiệp và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Tín

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH

Phát triển cá sấu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3329/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CÁ SẤU GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

Trong những năm gần đây, kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và của thành phố Hồ Chí Minh nói riêng có sự phát triển nhanh, đời sống xã hội được nâng cao. Cùng với sự phát triển của ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm thành phố, nghề nuôi cá sấu đã mang lại lợi ích kinh tế ngày càng rõ rệt. Hoạt động gây nuôi kinh doanh cá sấu đã cung ứng nguyên liệu cho ngành thuộc da, làm thực phẩm và đáp ứng nhu cầu xuất khẩu cũng như khuyến khích gây nuôi sinh sản một cách khoa học hợp lý vì mục tiêu bảo tồn để giảm thiểu tác động của con người đến tài nguyên động vật hoang dã; đồng thời góp phần phát triển chăn nuôi, tạo nguồn thu nhập, cơ hội việc làm cho nông dân.

1. Kết quả đạt được:

- Hầu hết chỉ tiêu của Chương trình phát triển đàn cá sấu giai đoạn 2006 - 2010 đã đạt và vượt so với chương trình, tổng đàn cá sấu đến cuối giai đoạn đã tăng lên 187.000 con, đạt 187% so với chỉ tiêu, gồm 170.000 con trong bốn trại nuôi có quota xuất khẩu và 16.000 con trong các trại nuôi gia công. Trong đó, cá sấu bố mẹ là 7.999 con (2.175 con đực và 5.824 con cái) đạt 199% so với mục tiêu đề ra.

- Cá sấu là loài dễ nuôi, hoàn toàn sinh sản và nuôi lớn lên từ trong trại nuôi, nguồn thức ăn chủ yếu là cá biển có giá thành thấp, sản phẩm da, thịt và các phụ phẩm khác có giá trị kinh tế cao, được thị trường ưa chuộng, có thể kết hợp kinh doanh du lịch - ăn uống giải trí. Chương trình đã phát triển đa dạng được các loại hình sản phẩm chế biến từ cá sấu phục vụ cho tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

- Thực hiện Quyết định số 105/2006/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2006 và Quyết định số 15/2009/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, trên

địa bàn quận 12, huyện Bình Chánh và Củ Chi đã có dự án vay vốn phát triển gây nuôi cá sấu với tổng vốn vay là 59.095 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu phát triển cá sấu đến năm 2010 đã góp phần tích cực thực hiện Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010.

- Quản lý chặt chẽ hoạt động gây nuôi và tạo điều kiện phát triển nghề gây nuôi cá sấu trên địa bàn thành phố có ý nghĩa quan trọng góp phần việc bảo vệ động vật hoang dã, đồng thời đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người nuôi. Công tác quản lý và phát triển đàn cá sấu trên địa bàn thành phố đã thực hiện theo đúng nhiệm vụ chương trình đề ra.

2. Mặt hạn chế:

- Thị trường tiêu thụ cá sấu chưa ổn định, nhất là thị trường xuất khẩu do chất lượng cá sấu và sản phẩm từ cá sấu của thành phố vẫn còn kém về mẫu mã và chất lượng so với các nước trong khu vực và yêu cầu của nhà nhập khẩu.

Trong những năm gần đây, việc nuôi và tiêu thụ cá sấu gặp nhiều khó khăn, do đầu ra phải cạnh tranh với các nước trong khu vực để xuất vào Trung Quốc, đây là thị trường tiêu thụ mạnh và duy nhất đối với cá sấu sống. Hoạt động kinh doanh cá sấu nội địa vừa qua xảy ra tình trạng cạnh tranh không lành mạnh giữa các trại nuôi cá sấu gây thiệt hại trước mắt và lâu dài đối với người gây nuôi cá sấu.

- Thời gian qua, việc nuôi phát triển cá sấu có nhiều biến động, mặc dù tốc độ nuôi cá sấu của các trại phát triển nhanh nhưng đa phần kỹ thuật gây nuôi chủ yếu theo phương pháp truyền thống, các cơ sở nuôi cá sấu ít có sự liên kết với nhau để chia sẻ kinh nghiệm.

Hầu hết các trại nuôi chưa có hệ thống xử lý nước thải hoặc có hệ thống xử lý nước thải nhưng chưa đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường. Số lượng cá sấu nước ngọt trong các trại tăng nhanh nhưng ngành công nghiệp chế biến chưa phát triển đồng bộ.

- Qua 5 năm phát triển, số hộ và các tổ chức gây nuôi cá sấu có xu hướng giảm, diện tích gây nuôi cá sấu cũng giảm dần để tập trung nâng cao chất lượng da, giảm chi phí nuôi.

- Chưa thành lập được Hiệp hội cá sấu, các doanh nghiệp cá sấu vẫn chưa có tiếng nói chung, vẫn còn tình trạng tranh mua, tranh bán.

II. CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CÁ SẤU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

1. Mục tiêu:

1.1. Mục tiêu tổng quát:

Quản lý chặt chẽ việc gây nuôi kinh doanh cá sấu theo quy định của pháp luật, theo đúng quy trình quy phạm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số 4110/QĐ-BNN-KHCN ngày 31 tháng 12 năm 2006; đảm bảo an toàn và đảm bảo chọn giống thuần chủng, nâng cao chất lượng đàn, nâng cao chất lượng nuôi để nâng cao hiệu quả kinh tế; nâng cao kỹ thuật thuộc da và xúc tiến thương mại cho sản phẩm từ cá sấu.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Về số lượng: đến năm 2015, tổng đàn cá sấu gây nuôi sinh sản đạt tiêu chuẩn xuất khẩu trên địa bàn thành phố là 190.000 con, trong đó cá sấu bố mẹ và hậu bị là 20.000 con, cá sấu thương phẩm đạt 100.000 con, cá sấu non đạt 70.000 con.

b) Về kỹ thuật:

- Đảm bảo 100% đàn cá trong các trại nuôi là giống thuần chủng cá sấu nước ngọt *Crocodylus siamensis*.

- Xây dựng hoàn chỉnh các quy chuẩn về chuồng trại an toàn, bảo đảm vệ sinh môi trường, 100% các trại gây nuôi áp dụng quy trình xử lý nước thải.

- Nâng cao công nghệ chế biến sản phẩm, nhất là công nghệ thuộc da, đảm bảo chất lượng và tiêu chuẩn phù hợp với yêu cầu của các thị trường xuất khẩu.

- Nghiên cứu xây dựng mô hình thuộc da tiên tiến.

c) Về thị trường:

- Đảm bảo tỷ trọng sản phẩm xuất khẩu: 50% xuất khẩu theo đơn đặt hàng, 50% tiêu thụ nội địa. Trong xuất khẩu phần đầu 70% là xuất khẩu chính ngạch.

- Mở rộng và đa dạng hóa nguồn tiêu thụ sản phẩm, bao gồm cá sấu sống và sản phẩm cá sấu đã chế biến.

d) Về quản lý nhà nước:

- Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn các trại nuôi đúng quy định của pháp luật.

- 100% trại nuôi (ngoài 04 trại đã được cấp quota) đăng ký khai báo với cơ quan Kiểm lâm để được hướng dẫn, đăng ký với cơ quan quản lý Cites.

2. Nhiệm vụ:

- Quản lý và phát triển đàn cá sấu, kể cả cá sấu giống và thương phẩm, trên địa

bàn thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy trình, quy phạm, quy định của nhà nước và tiêu chuẩn Cites.

- Phát triển các loại sản phẩm chế biến từ cá sấu phục vụ cho tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

3. Các giải pháp chủ yếu:

3.1. Về kỹ thuật chăn nuôi - chế biến:

- Xây dựng các tiêu chí cụ thể về việc xác định loài lai và đánh giá số lượng loài lai hiện có, thực hiện các biện pháp để giảm thiểu, loại bỏ hoàn toàn các loài lai để tăng phẩm chất đàn nuôi, phần đầu 100% cá thể trong tổng đàn là cá sấu nước ngọt (*Crocodylus siamensis*).

- Nghiên cứu, áp dụng quy trình gây nuôi, chú trọng tăng chất lượng da, hạn chế số lượng trong chuồng nuôi để nâng cao phẩm chất da xuất khẩu, tăng tính cạnh tranh với các nước trong khu vực.

- Nâng cao khả năng sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm ngay trên thị trường nội địa để giảm giá thành, giải quyết được công ăn việc làm, tránh được việc nuôi nhốt đàn cá sấu quá lứa.

3.2. Về xúc tiến thương mại:

- Tổ chức các đoàn khảo sát thị trường, học tập kinh nghiệm sản xuất, thuộc da ở nước ngoài, từ đó nâng cao kỹ thuật nuôi trồng, chế biến, cũng như đa dạng hóa các nguồn tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng website chung cho ngành cá sấu thành phố Hồ Chí Minh. Mở rộng thị trường, liên kết sản xuất và tiêu thụ. Tham gia các hội chợ, giới thiệu sản phẩm, quảng bá thương hiệu.

- Thành lập Hiệp hội gây nuôi động vật hoang dã (trong đó có cá sấu) Việt Nam nhằm đẩy mạnh liên kết thống nhất giữa các trại nuôi trong kinh doanh, chế biến cùng tiếp cận thị trường, tạo một chiến lược phát triển thị trường tiêu thụ cá sấu bền vững.

3.3. Về công tác quản lý:

- Quán triệt hướng dẫn các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đăng ký trại nuôi; tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật trong việc quản lý gây nuôi, vận chuyển, nhập, xuất con giống nuôi...; thống kê chi tiết, đầy đủ số lượng trại nuôi, số lượng con giống cá sấu nuôi trên địa bàn. Trên cơ sở đó lập hồ sơ quản lý chặt chẽ, cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, sinh trưởng theo quy định của pháp luật; đảm bảo an toàn cho con người, môi trường.

- Nghiên cứu, cập nhật thông tin về thị trường tiêu thụ, giá cả, kỹ thuật nuôi và các mô hình nuôi hiệu quả...; tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân biết nhằm định hướng việc gây nuôi cá sấu trên địa bàn thành phố.

- Tăng cường mối liên hệ và trao đổi thông tin giữa tất cả các bên có liên quan về bảo tồn, quản lý và sử dụng bền vững cá sấu tại Việt Nam.

- Khuyến khích xây dựng các hệ thống quản lý ISO và HACCAP.

- Tăng cường công tác quản lý, nâng cao giáo dục cộng đồng về mối liên hệ giữa bảo tồn và buôn bán cá sấu.

III. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

1. Xây dựng mô hình cơ sở nuôi cá sấu lấy da, quy mô 10.000 - 15.000 con:

- Mục tiêu: Xây dựng và nhân rộng mô hình gây nuôi cá sấu nhằm phát triển đàn cá sấu thương phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Nhiệm vụ: Xây dựng mô hình, áp dụng quy trình gây nuôi cá sấu từ chọn giống, kỹ thuật thiết kế chuồng trại, kỹ thuật chăm sóc nhằm nâng cao chất lượng da cá sấu; tạo ra số lượng đàn cá sấu ổn định, có chất lượng và tiêu chuẩn xuất khẩu theo quy định.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Tổ chức thực hiện: Các doanh nghiệp

2. Xây dựng dự án xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm từ cá sấu thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015:

- Mục tiêu: Tăng cường công tác xúc tiến tiêu thụ sản phẩm từ cá sấu nhằm nâng cao giá trị gia tăng trong sản xuất và tiêu thụ cá sấu.

- Nhiệm vụ: Xúc tiến việc tiêu thụ sản phẩm các loại từ cá sấu trong và ngoài nước; xây dựng các chương trình tiếp thị, website, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm từ cá sấu, đảm bảo sản phẩm đủ sức cạnh tranh, tiêu thụ kịp thời.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố, Sở Công Thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Tổ chức thực hiện: Các doanh nghiệp.

3. Xây dựng hệ thống quản lý ISO 9001 và HACCAP cho các doanh nghiệp, cơ sở chăn nuôi có nhu cầu:

- Mục tiêu: Nâng cao năng lực quản lý và đảm bảo chất lượng sản phẩm cho các doanh nghiệp.

- Nhiệm vụ: Nâng cao hiệu quả quản lý trong chăn nuôi, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cá sấu, đạt tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ.

- Tổ chức thực hiện: Các doanh nghiệp, trại nuôi.

4. Nghiên cứu thực hiện một số dự án, đề tài về nuôi, chế biến sản phẩm từ cá sấu:

- Mục tiêu: Nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ về nuôi, chế biến sản phẩm từ cá sấu.

- Nhiệm vụ:

+ Nuôi dưỡng, thuần dưỡng, nâng cao chất lượng giống cá sấu.

+ Công nghiệp hóa, hiện đại hóa các cơ sở sản xuất, chế biến sản phẩm từ cá sấu.

+ Cải tiến quy trình thuộc da và chế biến sản phẩm đạt chuẩn quốc tế.

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Tổ chức thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các nhà khoa học, các doanh nghiệp, các cơ sở chăn nuôi tổ chức nghiên cứu, triển khai chương trình, dự án chế biến sản phẩm cá sấu.

5. Phát triển làng nghề cá sấu:

- Mục tiêu: Phát triển mô hình làng nghề đang phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hợp tác hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở địa phương.

- Nhiệm vụ: Quản lý con giống, hỗ trợ xây dựng chuồng trại, chăm sóc và nuôi dưỡng cá sấu kết hợp sản xuất, chế biến sản phẩm từ cá sấu.

- Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tổ chức thực hiện: Ủy ban nhân dân quận 12, huyện Củ Chi, Bình Chánh.

6. Kinh phí thực hiện:

Tổng vốn đầu tư của chương trình dự kiến: 23,15 tỷ (Hai mươi ba tỷ, một trăm năm mươi triệu) đồng, trong đó:

- Vốn do doanh nghiệp tự có và vay ngân hàng là: 20,7 tỷ (Hai mươi tỷ bảy trăm triệu) đồng.

- Vốn do ngân sách cấp: 2,45 tỷ (Hai tỷ, bốn trăm năm mươi triệu) đồng từ nguồn kinh phí sự nghiệp; trong đó: Chi Cục Kiểm lâm 1.060 triệu đồng, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp 1.040 triệu đồng, Trung tâm Khuyến nông 200 triệu đồng, Chi Cục Phát triển nông thôn 150 triệu đồng. (Phân kỳ kinh phí cho từng hạng mục chi tiết trong biểu 1 kèm theo).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện từ năm 2011 đến năm 2015.

2. Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình phát triển cá sấu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực.

3. Một số nhiệm vụ cụ thể:

3.1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì phối hợp với các Sở - ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố để triển khai Chương trình phát triển cá sấu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015 theo Quyết định phê duyệt, đồng thời nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định.

b) Chỉ đạo Chi Cục Kiểm lâm:

- Tổ chức quản lý gây nuôi, phát triển cá sấu theo đúng các quy định tại Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004; Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về quản lý động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng, cấy nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm.

- Cung cấp tài liệu, hướng dẫn kỹ thuật cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu về kỹ thuật nhân giống, gây nuôi phát triển cá sấu trong môi trường có kiểm soát.

- Hướng dẫn việc kinh doanh, vận chuyển, nuôi nhốt, chế biến cá sấu có nguồn gốc gây nuôi phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ chứng minh nguồn gốc hợp pháp theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

- Rà soát, đề nghị sửa đổi, bổ sung và đề xuất xây dựng các văn bản pháp luật quản lý gây nuôi cá sấu phù hợp với điều kiện thành phố.

3.2. Giao Sở Công Thương chỉ đạo các đơn vị trực thuộc:

- Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ cá sấu và các sản phẩm chế biến từ cá sấu theo quy định.

3.3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính thẩm định các dự án đầu tư, cân đối kinh phí để thực hiện chương trình.

3.4. Giao Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng các quy chuẩn về chuồng trại, kỹ thuật nuôi và kỹ thuật chế biến da cá sấu.

3.5. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan báo, đài của thành phố có các chuyên trang, chuyên mục, các tiểu phẩm văn nghệ... với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp để tuyên truyền sâu rộng đến nhân dân thành phố về chủ trương phát triển cá sấu trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015.

3.6. Giao Hội Nông dân phối hợp tuyên truyền cho nông dân về kỹ thuật gây nuôi kinh doanh động vật hoang dã có nguồn gốc hợp pháp.

3.7. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Phối hợp với Sở - ngành chuyên môn của thành phố thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với trại nuôi cá sấu đúng quy định pháp luật.

- Thực hiện công tác quản lý nhà nước theo sự phân công, phân cấp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không để xảy ra tình trạng gây nuôi, mua bán trái phép cá sấu diễn ra trên địa bàn quận, huyện quản lý;

3.8. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân gây nuôi động vật hoang dã trên địa bàn thành phố phải tuân thủ các quy định của nhà nước về gây nuôi, kinh doanh hợp pháp; tham gia thực hiện các chương trình, dự án do thành phố ban hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Tín

**BIỂU 1: CHƯƠNG TRÌNH VÀ NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN CÁ SÁU
GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3329/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)

NỘI DUNG	2011	2012	2013	2014	2015	GHI CHÚ
1. Mục tiêu	Số hộ: 58 hộ Số con: 186.000 Diện tích: 20 ha Giá trị hàng hóa: 10 tỷ đồng				Số hộ: 70 hộ Số con: 190.000 Diện tích: 20 ha Giá trị hàng hóa: 100 tỷ đồng	
2. Tổng kinh phí dự trù của chương trình	Tổng: 5,1 tỷ đồng Trong đó: - Doanh nghiệp 5,1 tỷ đồng	Tổng: 6,65 tỷ đồng Trong đó: - Ngân sách 1,05 tỷ đồng - Doanh nghiệp 5,6 tỷ đồng	Tổng: 5,89 tỷ đồng Trong đó: - Ngân sách 0,54 tỷ đồng - Doanh nghiệp 5,35 tỷ đồng	Tổng: 2,84 tỷ đồng Trong đó: - Ngân sách 0,49 tỷ đồng - Doanh nghiệp 2,35 tỷ đồng	Tổng: 2,67 tỷ đồng Trong đó: - Ngân sách 0,37 tỷ đồng - Doanh nghiệp 2,3 tỷ đồng	Tổng: 23,15 tỷ đồng Trong đó: - Ngân sách 2,45 tỷ đồng - Doanh nghiệp 20,7 tỷ đồng
3. Các giải pháp						
3.1 Xây dựng một số cơ sở nuôi cá sấu lấy da	Kinh phí 3 tỷ đồng. Nguồn: Công ty Tồn Phát. Đơn vị thực hiện: Công ty Tồn Phát.	Kinh phí 3 tỷ đồng. Nguồn: Công ty Hoa Cà. Đơn vị thực hiện: Công ty Hoa Cà.	Kinh phí 3 tỷ đồng. Nguồn: Công ty Forimex. Đơn vị thực hiện: Công ty Forimex.			Tổng 6 tỷ đồng

	Đơn vị phối hợp: Chi Cục Kiểm lâm; Hiệp hội cá sấu Số lượng 5.000 con/5000 chuồng	Đơn vị phối hợp: Chi Cục Kiểm lâm; Hiệp hội cá sấu Số lượng 5.000 con/5000 chuồng	Đơn vị phối hợp: Chi Cục Kiểm lâm; Hiệp hội cá sấu. Số lượng 5.000 con/5000 chuồng			
3.2. Xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm từ cá sấu						
a/ Xúc tiến đăng ký trại nuôi với Cites thế giới	Kinh phí 2,1 tỷ đồng Nguồn: các DN Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm. Đơn vị phối hợp: Hiệp hội cá sấu	Kinh phí 2,1 tỷ đồng Nguồn: các DN Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: Hiệp hội cá sấu	Kinh phí 2,1 tỷ đồng Nguồn: các DN Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: Hiệp hội cá sấu	Kinh phí 2,1 tỷ đồng Nguồn: các DN Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm. Đơn vị phối hợp: Hiệp hội cá sấu	Kinh phí 2,1 tỷ đồng Nguồn: các DN Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm. Đơn vị phối hợp: Hiệp hội cá sấu	Tổng 10,5 tỷ đồng
b/ Giới thiệu sản phẩm cá sấu các loại trên truyền hình		Số lần: 8 Kinh phí 200 triệu đồng Nguồn: Ngân sách + DN (50:50) Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm.	Số lần: 4 Kinh phí 100 triệu đồng Nguồn: Ngân sách + DN (50:50) Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm.	Số lần: 4 Kinh phí 100 triệu đồng Nguồn: Ngân sách + DN (50:50) Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm	Số lần: 4 Kinh phí 100 triệu đồng Nguồn: Ngân sách + DN (50:50) Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm.	Tổng 500 triệu đồng

		Đơn vị phối hợp: Công ty Việt Thành; Công ty Suối Tiên	Đơn vị phối hợp: Công ty Forimex	Đơn vị phối hợp: Công ty Hoa Cà	Đơn vị phối hợp: Công ty Tồn Phát	
c/ Triển lãm và tham gia hội chợ quốc tế trong và ngoài nước		Số lần: 4 Kinh phí 600 triệu đồng Nguồn: Ngân sách+ DN (50:50) Đơn vị thực hiện: T.tâm TV và HTNN. Đơn vị phối hợp: Công ty Forimex; Công ty Hoa Cà	Số lần: 2 Kinh phí 300 triệu đồng Nguồn: Ngân sách + DN (50:50) Đơn vị thực hiện: T.tâm TV và HTNN. Đơn vị phối hợp: Công ty Tồn Phát	Số lần: 2 Kinh phí 300 triệu đồng Nguồn: Ngân sách + DN (50:50) Đơn vị thực hiện: T.tâm TV và HTNN. Đơn vị phối hợp: Công ty Suối Tiên	Số lần: 2 Kinh phí 300 triệu đồng Nguồn: Ngân sách + DN (50:50) Đơn vị thực hiện: T.tâm TV và HTNN. Đơn vị phối hợp: Công ty Việt Thành	Tổng 1,5 tỷ đồng
d/ Xây dựng Website giới thiệu về cá sấu		XD website cá sấu và sàn giao dịch cá sấu TP trên mạng Kinh phí 150 triệu đồng Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: TTTVHTNN Đơn vị phối hợp: Hiệp hội cá sấu.	Duy trì website cá sấu TP và sàn giao dịch cá sấu Kinh phí 30 triệu đồng Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: TTTVHTNN Đơn vị phối hợp: Hiệp hội cá sấu.	Duy trì website cá sấu TP và sàn giao dịch cá sấu Kinh phí 30 triệu đồng Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: TTTVHTNN Đơn vị phối hợp: Hiệp hội cá sấu.	Duy trì website cá sấu TP và sàn giao dịch cá sấu Kinh phí 30 triệu đồng Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: TTTVHTNN Đơn vị phối hợp: Hiệp hội cá sấu.	Tổng 240 triệu đồng

3.3. Xây dựng hệ thống ISO 9001 và HACCAP		Kinh phí 20 triệu đồng Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: các doanh nghiệp Đơn vị phối hợp: Sở KHCHN.	Kinh phí 20 triệu đồng Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: các doanh nghiệp Đơn vị phối hợp: Sở KHCHN.	Kinh phí 20 triệu đồng Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: các doanh nghiệp Đơn vị phối hợp: Sở KHCHN		Tổng 60 triệu đồng
3.4. Thực hiện một số đề tài nuôi chế biến sản phẩm từ cá sấu						
a/ Tập huấn kỹ thuật nuôi cá sấu		Số lần: 4 Kinh phí 80 triệu đồng (50 đơn vị T.gia) Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm. Đơn vị phối hợp: Hiệp hội cá sấu	Số lần: 2 Kinh phí 40 triệu đồng (50 đơn vị T.gia) Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm. Đơn vị phối hợp: Hiệp hội cá sấu	Số lần: 2 Kinh phí 40 triệu đồng (50 đơn vị T.gia) Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm. Đơn vị phối hợp: Hiệp hội cá sấu	Số lần: 2 Kinh phí 40 triệu đồng (50 đơn vị T.gia) Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm. Đơn vị phối hợp: Hiệp hội cá sấu	
b/ Tập huấn kỹ thuật sơ chế và thuộc da cá sấu		Số lần: 4 Kinh phí 200 triệu đồng (100 đơn vị T.gia)	Số lần: 2 Kinh phí 100 triệu đồng (50 đơn vị T.gia)	Số lần: 2 Kinh phí 100 triệu đồng (50 đơn vị T.gia)	Số lần: 2 Kinh phí 100 triệu đồng (50 đơn vị T.gia)	

		Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm. Đơn vị phối hợp: Hiệp hội cá sấu	Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm. Đơn vị phối hợp: Hiệp hội cá sấu	Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm Đơn vị phối hợp: Hiệp hội cá sấu	Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm. Đơn vị phối hợp: Hiệp hội cá sấu	
c/ Khảo sát, nghiên cứu mô hình gây nuôi và chế biến sản phẩm cá sấu; thị trường tiêu thụ		Số lần: 1 (Thái Lan) Kinh phí 200 triệu đồng Nguồn: Ngân sách và DN (50:50); Đơn vị thực hiện: Trung tâm KN Đơn vị phối hợp: Công ty Forimex; Công ty Hoa Cà, Hiệp hội cá sấu	Số lần: 1 (Italy) Kinh phí 100 triệu đồng Nguồn: Ngân sách và DN (50:50); Đơn vị thực hiện: Trung tâm TVHTNN Đơn vị phối hợp: Công ty Tồn Phát, Hiệp hội cá sấu	Số lần: 1 (Trung Quốc - Hồng Kông) Kinh phí 100 triệu đồng Nguồn: Ngân sách và DN (50:50); Đơn vị thực hiện: Chi Cục Kiểm lâm. Đơn vị phối hợp: Công ty Suối Tiên, Hiệp hội cá sấu		
d/ Biên tập xuất bản Cẩm nang gây nuôi - chế biến cá sấu		Số lượng: 500 cuốn Kinh phí 50 triệu đồng Nguồn: Ngân sách	Số lượng: 500 cuốn (Tái bản) Kinh phí 50 triệu đồng Nguồn: Ngân sách			

		Đơn vị thực hiện: Trung tâm KN Đơn vị phối hợp: Hiệp hội cá sấu	Đơn vị thực hiện: Trung tâm KN Đơn vị phối hợp: Hiệp hội cá sấu			
3.5. Phát triển làng nghề cá sấu		Số làng: 1 (Củ Chi) Kinh phí 50 triệu đồng Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục PTNT Đơn vị phối hợp: Trung tâm Khuyến nông.	Số làng: 1 (Bình Chánh) Kinh phí 50 triệu đồng Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục PTNT Đơn vị phối hợp: Trung tâm Khuyến nông.	Số làng: 1 (quận 12) Kinh phí 50 triệu đồng Nguồn: Ngân sách Đơn vị thực hiện: Chi Cục PTNT Đơn vị phối hợp: Trung tâm Khuyến nông.		

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 14.000 đồng